

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05 – 4 – 2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Việt Khái.

2. Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2024/TLST - HNGĐ ngày 22/01/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp Dân Q, xã Việt T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh P, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp T, xã Việt T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị K và anh Lê Minh P tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, không có tổ chức cưới gả theo phong tục, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2021, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến, quan điểm sống và anh P hay ghen tuông vô cớ dẫn đến việc vợ chồng thường xảy ra cự cãi, xúc phạm, đánh đập lẫn nhau từ đó đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và chị cùng anh P đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay. Hiện chị K xác định không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh P. Riêng anh P thừa nhận về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân chị K trình bày là đúng nhưng anh cho rằng mâu thuẫn trên chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn thương vợ con nên yêu cầu Tòa án hoàn giải đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung, chị K và anh P chung sống với nhau có 03 người con chung là: Lê Ngọc Băng, sinh ngày 01/4/2012; Lê Trường Phát, sinh ngày 14/02/2015 và Lê Ngọc Nhân Tâm, sinh ngày 07/9/2017. Hiện các con đang sống với chị K nên khi ly hôn, chị K yêu cầu được nhận nuôi cả ba người con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh P cho rằng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh cũng đồng ý giao ba người con cho chị P nuôi dưỡng nhưng không cấp dưỡng nuôi con bởi bản thân anh chỉ làm thuê, ai thuê thì anh làm nên thu nhập không ổn định, không đủ điều kiện để cấp dưỡng cho con, trường hợp anh làm có tiền anh sẽ phụ giúp chị K nuôi dưỡng các con. Riêng các con của anh, chị có nguyện vọng được sống chung với chị K khi anh, chị ly hôn với nhau.

Về tài sản chung, chị K và anh P sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị K và anh P khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Lê Minh P đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị K và anh Lê Minh P chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Mặc dù, anh P có yêu cầu hòa giải đoàn tụ nhưng do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức, nên quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị K không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, yêu cầu của chị K được chấp nhận.

[3] Về con chung là: Lê Trường Phát, sinh ngày 14/02/2015; Lê Ngọc Băng, sinh ngày 01/4/2012 và Lê Ngọc Nhân Tâm, sinh ngày 07/9/2017. Hiện các con đang sống với chị K nên khi ly hôn, anh P và chị K thống nhất thỏa thuận giao các con cho chị K nuôi và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con giữa anh P, chị K là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các con nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, anh P và chị K tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, anh P và chị K khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị K phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân, không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K và anh Lê Minh P.

- Về con chung là Lê Ngọc Băng, sinh ngày 01/4/2012; Lê Trường Phát, sinh ngày 14/02/2015 và Lê Ngọc Nhân Tâm, sinh ngày 07/9/2017. Hiện các con đang sống với chị Nguyễn Thị K nên tiếp tục giao các con cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra yêu cầu anh Lê Minh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Minh P có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị K và anh Lê Minh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, chị Nguyễn Thị K và anh Lê Minh P khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Nguyễn Thị K phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 17/01/2024, chị K đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003180 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị K có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân**